Bản tin

Nông nghiệp và Môi trường

Số 01/2026 SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

- TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI: KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2026 - 2030
- QUẢNG NGÃI CẢI CÁCH THỦ TỤC ĐẤT ĐAI: RÕ THỜI HẠN - MINH BẠCH TIẾN ĐỘ - THUẬN TIỆN CHO NGƯỜI DÂN
- DÃY NÚI NGỌC LINH - BẢN HÙNG CA XANH GIỮA ĐẠI NGÀN TRƯỜNG SƠN

Nông nghiệp và Môi trường
QUẢNG NGÃI

Số 01/2026

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Trưởng Ban Biên tập
Phó Giám đốc Sở NN và MT
NGUYỄN QUANG TRUNG

Phó Ban Biên tập:
ƯNG VĂN THANH
Giám đốc Trung tâm
Khuyến nông Quảng Ngãi
NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chánh Văn phòng Sở

Tổ Thư ký
NGÔ MẠNH HÙNG
NGÔ HỮU VỸ
NGUYỄN TRUNG HIẾU

Bìa 1:
Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Nguyễn Đức Tuy kiểm tra mô hình trồng cà phê ở thôn Vi Pờ Ê

Địa chỉ liên lạc Ban biên tập:
182 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
ĐT/FAX: 0255.3822.704 - 3737.156
Email: bientapkn@gmail.com

Trong số này

- Tái cơ cấu nông nghiệp Quảng Ngãi: Kết quả giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng 2026 – 2030 **1**
- Trồng trọt an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường **3**
- Siết chặt chống khai thác IUU, hướng tới nghề cá bền vững **5**
- Phòng cháy, chữa cháy rừng là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người dân **6**
- Một số định hướng triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 tại Quảng Ngãi **8**
- Quảng Ngãi cải cách thủ tục đất đai: Rõ thời hạn – Minh bạch tiến độ – Thuận tiện cho người dân **10**
- Tăng cường chăn nuôi an toàn sinh học, quản lý chất thải nhằm giảm ô nhiễm môi trường tại Quảng Ngãi **12**
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi trên địa bàn tỉnh **14**
- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2026 **16**
- Quảng Ngãi: Chính sách chi trả DVMTR tạo sinh kế cho người dân **17**
- Khuyến nông Quảng Ngãi trước yêu cầu đổi mới của thời đại **19**
- Giá trị các loài dược liệu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh **21**
- Dãy núi Ngọc Linh – bản hùng ca xanh giữa đại ngàn Trường Sơn **23**
- Công nghệ Biofloc hướng đến nghề nuôi thủy sản bền vững **25**
- Những lưu ý kỹ thuật giúp nâng cao năng suất bưởi da xanh **27**

TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI: KẾT QUẢ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2026 - 2030

Nguyễn Quang Trung
Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo định hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sau 5 năm thực hiện, ngành nông nghiệp đạt được nhiều kết quả quan trọng, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra, tạo nền tảng cho giai đoạn tiếp theo.

Quảng Ngãi tập trung phát triển nhóm cây trồng chủ lực mang lại giá trị kinh tế cao

Kết quả giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021 - 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định. Giá trị tăng thêm (GRDP, giá so sánh 2010) đến năm 2025 đạt khoảng 15.408,93 tỷ đồng, vượt 4,57% so với kế hoạch; giá trị sản xuất toàn ngành đạt trên 31.200 tỷ đồng. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng tích cực; tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP toàn tỉnh giảm từ 19,53% năm 2020 xuống còn 17,19% năm 2025, phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Trong lĩnh vực trồng trọt, sản xuất được tổ chức theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Diện tích lúa năm 2025 đạt gần 96.000 ha; tỷ lệ sử dụng giống xác nhận đạt từ 70-80%; năng suất bình quân khoảng 60 tạ/ha. Các cây trồng chủ lực như cà phê, cao su duy trì ổn định, diện tích cơ bản đạt và vượt kế hoạch. Cây dược liệu tiếp tục được mở rộng, với hơn 3.200 ha Sâm Ngọc Linh và gần 4.700 ha Đẳng sâm, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung.

Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, an toàn sinh học. Đến năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 247 trang trại chăn nuôi; tổng đàn lợn đạt trên 612.000 con; sản lượng thịt hơi tăng trên 21% so với năm 2021.

Thủy sản tiếp tục phát triển ổn định. Tổng sản lượng năm 2025 đạt trên 300.000 tấn; cơ cấu khai thác được điều chỉnh theo hướng giảm dần nghề ảnh hưởng đến nguồn lợi, phát triển nuôi trồng các đối tượng có giá trị kinh tế cao.

Lĩnh vực lâm nghiệp đạt kết quả tích cực. Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp duy trì trên 966.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng

59,5%. Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được triển khai hiệu quả, với tổng nguồn thu gần 2.000 tỷ đồng trong giai đoạn.

Ứng dụng khoa học công nghệ được đẩy mạnh. Toàn tỉnh có trên 30.000 ha sản xuất ứng dụng công nghệ cao; hơn 2.600 ha được chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Chương trình OCOP đạt kết quả tích cực với 619 sản phẩm còn hiệu lực.

Định hướng giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở kết quả đạt được, giai đoạn 2026 - 2030, ngành nông nghiệp Quảng Ngãi tiếp tục cơ cấu lại theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đồng thời phát huy lợi thế, khai thác tiềm năng và dư địa phát triển.

Quảng Ngãi có điều kiện tự nhiên đa dạng, gồm các vùng miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển. Đây là lợi thế để phát triển nông nghiệp toàn diện theo vùng sinh thái: vùng miền núi phù hợp phát triển cây dược liệu và kinh tế rừng; vùng đồng bằng phát triển lúa chất lượng cao, rau màu; vùng ven biển phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản. Trên cơ sở đó, tiếp tục tổ chức lại sản xuất theo vùng, hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với sản phẩm chủ lực.

Dư địa phát triển của ngành còn lớn, đặc biệt trong nâng cao giá trị gia tăng thông qua ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến và liên kết chuỗi giá trị. Việc mở rộng diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời, phát triển kinh tế hợp tác, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp cần được đẩy mạnh.

Trong thời gian tới, ngành tập trung tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, quy mô phù hợp; phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng gắn với lợi thế của từng địa phương; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, an toàn sinh học; nâng cao chất lượng giống, kiểm soát dịch bệnh. Thủy sản phát triển theo hướng bền vững; cơ cấu lại nghề khai thác; phát triển nuôi trồng các đối tượng có giá trị kinh tế cao, gắn với bảo vệ nguồn lợi và thực hiện các quy định về chống khai thác IUU.

Tiếp tục bảo vệ và phát triển rừng bền vững; nâng cao chất lượng rừng; phát huy hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với sinh kế người dân.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản; nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển sản phẩm OCOP.

Đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

Có thể khẳng định, những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025 đã tạo nền tảng vững chắc để ngành nông nghiệp Quảng Ngãi bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều kỳ vọng. Việc tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững sẽ là chìa khóa để ngành nông nghiệp địa phương khẳng định vai trò trong nền kinh tế và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

TRỒNG TRỌT AN TOÀN, BỀN VỮNG, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

✍ ***Nguyễn Tùng Lương***
Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và QLCL

Vườn chanh dây được chăm sóc theo hướng trồng trọt an toàn

Trong những năm gần đây, ngành trồng trọt tỉnh Quảng Ngãi đã có bước chuyển mình mạnh mẽ, khẳng định vai trò trụ cột trong cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Việc phát triển bền vững trong nông nghiệp không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà còn góp phần bảo vệ môi trường.

Trước yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường về chất lượng và an toàn thực phẩm, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh đã chủ động định hướng chuyển đổi ngành trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Trong đó, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuẩn hóa quy trình sản xuất được xác định là nền tảng cốt lõi. Điều này không chỉ giúp tăng số lượng mà còn nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Hiện nay, sản xuất trồng trọt của tỉnh tiếp tục được duy trì ổn định. Diện tích lúa được giữ vững khoảng 95.000 ha đến năm 2030 nhằm bảo đảm an ninh lương thực. Đồng thời, các nhóm cây trồng chủ lực như rau màu, cây ăn quả và cây công nghiệp đều ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Đến nay, toàn tỉnh đã có hơn 2.668 ha cây trồng được cấp chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các chứng chỉ bền vững quốc tế như UTZ, 4C. Các vùng sản xuất đạt chuẩn không chỉ tập trung ở nhóm cây ăn quả như bưởi, cam, sầu riêng mà còn được mở rộng sang các vùng chuyên canh rau an toàn và cà phê chất lượng cao.

Một trong những kết quả nổi bật là việc hình thành các vùng sản xuất phục vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 69 mã số, gồm 65 mã số vùng trồng và 4 mã số cơ sở đóng gói, với tổng diện tích 3.569 m². Trong đó, 39 mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu với diện tích 672,29 ha, tập trung ở các cây trồng chủ lực như sầu riêng, chuối, mít, chanh leo, dứa, dưa hấu.Việc đầu tư cơ sở đóng gói đạt chuẩn, cùng với quản lý hiệu quả mã số vùng trồng, đã góp phần giúp nông sản Quảng Ngãi đáp ứng ngày càng tốt các yêu cầu kỹ thuật của thị trường. Qua đó, không chỉ nâng cao giá trị sản xuất mà còn từng bước khẳng định thương hiệu nông sản địa phương.

Điểm nhấn trong quá trình phát triển là sự chuyển đổi tư duy sản xuất theo hướng "xanh hóa". Ngành nông nghiệp tăng cường tuyên truyền, vận động người dân không đốt nương rẫy và phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường và

giảm phát thải khí nhà kính. Nhiều nông dân đã chủ động tận dụng các phụ phẩm như rơm rạ, vỏ hạt cà phê… để sản xuất phân hữu cơ, đồng thời ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học thay thế hóa chất trong canh tác.

Việc nhân rộng các mô hình nhà màng, nhà lưới kết hợp hệ thống tưới tiết kiệm nước đã góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp tuần hoàn, bền vững. Hiện nay, toàn tỉnh đã phát triển khoảng 82,85 ha diện tích sản xuất trong nhà màng, nhà lưới, tập trung chủ yếu ở các mô hình trồng rau an toàn, dưa lưới và một số cây trồng có giá trị kinh tế cao.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt tiếp tục được tăng cường thông qua việc kiểm tra, giám sát thị trường vật tư nông nghiệp. Cơ quan chức năng tích cực hướng dẫn nông dân áp dụng nguyên tắc "4 đúng" trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả canh tác và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các hoạt động tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật được tổ chức thường xuyên, giúp người dân từng bước tiếp cận, ứng dụng hiệu quả các quy trình sản xuất tiên tiến, kỹ thuật canh tác an toàn và công nghệ mới vào thực tiễn. Việc triển khai hiệu quả các chính sách như Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ của Chính phủ đã tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vào chuỗi liên kết giá trị, qua đó góp phần khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành trồng trọt của tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, liên kết chuỗi chưa thực sự bền vững, việc ứng dụng khoa học công nghệ ở một số nơi còn hạn chế, thị trường tiêu thụ chưa ổn định. Đây là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm, tháo gỡ trong thời gian tới.

Hướng tới năm 2030, Quảng Ngãi đặt mục tiêu tiếp tục tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Tỉnh phấn đấu mở rộng diện tích cây ăn quả lên 18.000 ha, phát triển cà phê xứ lạnh đạt trên 7.000 ha, đồng thời tăng thêm 1.400 ha diện tích được cấp chứng nhận chất lượng cao. Ngành trồng trọt tỉnh cũng chú trọng xây dựng và phát triển các vùng sản xuất tập trung, hình thành vùng nguyên liệu ổn định đối với một số cây trồng có tiềm năng như chanh dây, dứa… nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Cùng với đó, địa phương tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển sản xuất theo hướng xanh, an toàn; tăng cường liên kết chuỗi giá trị và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất.

Với định hướng rõ ràng và giải pháp đồng bộ, ngành trồng trọt Quảng Ngãi được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp xanh, hiện đại, góp phần nâng cao đời sống người dân nông thôn một cách bền vững.

Vườn chanh dây được chăm sóc theo hướng trồng trọt an toàn

SIẾT CHẶT CHỐNG KHAI THÁC IUU, HƯỚNG TỚI NGHỀ CÁ BỀN VỮNG

Nguyễn Văn Hùng
Văn phòng Sở

Trong nỗ lực cùng cả nước tháo gỡ cảnh báo "thẻ vàng" của Ủy ban châu Âu (EC), tỉnh Quảng Ngãi đang tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tinh thần xuyên suốt được xác định là chủ động, nghiêm túc, không lơ là, nhằm khắc phục triệt để những tồn tại và xây dựng nghề cá phát triển bền vững.

Quảng Ngãi hiện có gần 4.900 tàu cá, là một trong những địa phương sở hữu đội tàu khai thác xa bờ lớn của cả nước. Đến nay, toàn bộ tàu cá đã được đăng ký, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase); các tàu đủ điều kiện đều được cấp phép hoạt động theo quy định.

Cùng với đó, công tác kiểm soát tàu cá ra vào cảng và giám sát hành trình trên biển được duy trì nghiêm ngặt, góp phần đưa hoạt động khai thác vào nền nếp. Những chuyển biến tích cực này không chỉ nâng cao hiệu lực quản lý mà còn củng cố niềm tin để ngư dân yên tâm bám biển, ổn định sinh kế.

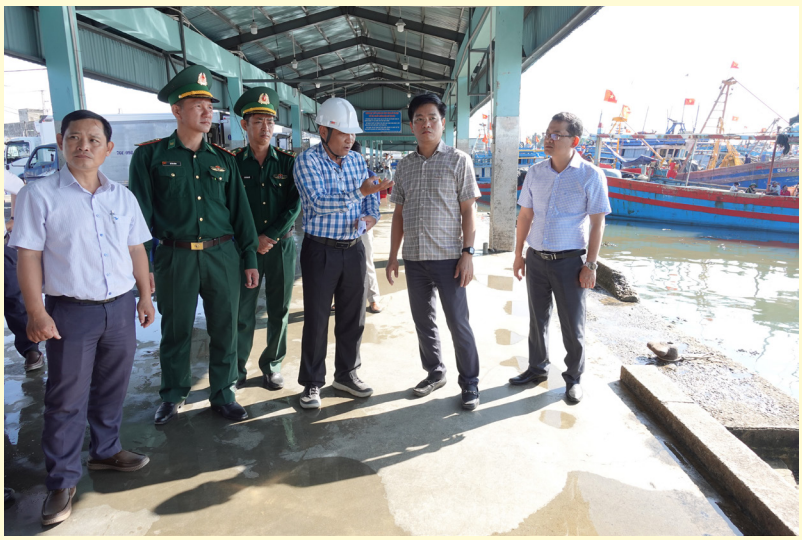

Lãnh đạo UBND tỉnh và các Sở, ngành, địa phương kiểm tra công tác chống khai thác IUU tại cảng cá Tịnh Kỳ

Ông Nguyễn Thanh Hùng, Chủ tịch Nghiệp đoàn Nghề cá Bình Châu, xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi chia sẻ: "Ngư dân chúng tôi mong muốn 'thẻ vàng' sớm được gỡ bỏ để bà con yên tâm vươn khơi, phát triển kinh tế gia đình và góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc".

Sau đợt kiểm tra lần thứ 5, Ủy ban châu Âu đã chỉ ra một số hạn chế cần khắc phục, đồng thời đưa ra nhiều khuyến nghị quan trọng như tăng cường chế tài xử phạt, quản lý chặt đội tàu và kiểm soát nghiêm nguồn gốc thủy sản khai thác. Bám sát các yêu cầu này, Quảng Ngãi đang tiếp tục nâng cao mức độ quyết liệt trong triển khai các giải pháp chống khai thác IUU.

Tại các địa phương ven biển, công tác tuyên truyền được đẩy mạnh, gắn với các biện pháp quản lý cụ thể, giúp ngư dân từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Hoạt động khai thác vì thế ngày càng đi vào khuôn khổ, góp phần thiết lập trật tự trên biển.

Ông Phạm Quốc Vương, Chủ tịch UBND xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi cho biết: Trong thời gian tới, địa

phương sẽ tiếp tục tăng cường tuyên truyền để ngư dân nắm vững và thực hiện đúng quy định khi ra khơi. Việc tuân thủ pháp luật không chỉ giúp bảo vệ nguồn lợi thủy sản mà còn đảm bảo điều kiện để sản phẩm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, qua đó nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân.

Song song với tuyên truyền, công tác thực thi pháp luật được triển khai đồng bộ từ đất liền đến trên biển, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát được tăng cường, bám sát từng chuyến biển.

Tại các ngư trường trọng điểm, lực lượng chấp pháp duy trì tuần tra thường xuyên, kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ sớm các nguy cơ vi phạm. Sự vào cuộc đồng bộ đã tạo nên cơ chế kiểm soát hiệu quả, vừa tuyên truyền, vận động, vừa xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Đại tá Trần Hồng Quế, Phó Chính ủy Vùng Cảnh sát biển 2 cho biết: "Chúng tôi xác định đây là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài; đồng thời phối hợp chặt chẽ với địa phương để tuyên truyền pháp luật cho ngư dân, tăng cường tuần tra, kiểm soát, kiên quyết ngăn chặn tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài".

Với quyết tâm cao, Quảng Ngãi đang nỗ lực cùng cả nước sớm tháo gỡ cảnh báo "thẻ vàng" của EC. Đây không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là bước đi quan trọng nhằm xây dựng ngành thủy sản phát triển có trách nhiệm, hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG LÀ QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI NGƯỜI DÂN

Tân Quỳnh Lê
Chi cục Kiểm lâm

Tỉnh Quảng Ngãi sau sáp nhập có 96 xã, phường, đặc khu, với tổng diện tích tự nhiên là 1.482.519,78ha. Diện tích có rừng và rừng trồng chưa thành rừng là 968.112,65 ha. Trong đó, diện tích có rừng là 880.871,64 ha (rừng tự nhiên: 659.017,11 ha; rừng trồng: 221.854,53 ha) và diện tích rừng trồng chưa thành rừng là 87.241,01 ha; phân bố trải dài từ vùng ven biển đến khu vực đồi núi, giáp biên giới với các nước Lào và Campuchia. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 là 59,41%.

Diện tích rừng và đất lâm nghiệp tương đối lớn, là tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội như du lịch sinh thái, kinh tế rừng, dược liệu dưới tán rừng, dịch vụ môi trường rừng và đặc biệt là thị trường carbon… Tuy nhiên, với đặc điểm địa hình rộng, phân bố trải dài từ vùng ven biển đến khu vực đồi núi, cùng với thời tiết nắng nóng kéo dài trong mùa khô, độ ẩm thấp, nguy cơ cháy rừng trên địa bàn tỉnh luôn tiềm ẩn ở mức cao, đặc biệt tại các khu vực rừng trồng, rừng tre nứa và rừng hỗn giao.

Lực lượng tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh

Qua thống kê, tổng diện tích rừng có nguy cơ cháy cao trên địa bàn tỉnh khoảng hơn 368.754 ha và thực tế cho thấy, trong giai đoạn 2022 – 2025, trên địa bàn tỉnh xảy ra 29 vụ cháy rừng, trong đó có 16 vụ gây thiệt hại hơn 30 ha rừng. Riêng năm 2025 xảy ra 05 vụ cháy, trong đó có 03 vụ gây thiệt hại 3,135 ha rừng. Mặc dù các vụ cháy được phát hiện và xử lý kịp thời, không để xảy ra cháy lớn, nhưng những con số trên là lời cảnh báo rõ ràng về nguy cơ cháy rừng luôn hiện hữu. Nguyên nhân chủ yếu vẫn xuất phát từ các hoạt động của con người như: đốt nương rẫy, xử lý thực bì bằng lửa không kiểm soát; sử dụng lửa bất cẩn trong rừng; vứt tàn thuốc bừa bãi… Đặc biệt, tại một số khu vực vùng sâu, vùng xa, ý thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng cao.

Xác định công tác phòng cháy, chữa cháy rừng rất quan trọng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng ngay từ gốc, trong thời gian qua các cơ quan, địa phương, chủ rừng trong đó lực lượng nòng cốt là Kiểm lâm đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm hạn chế khả năng thiệt hại về rừng có

Tuyên truyền bảo vệ rừng tại cơ sở

thể xảy ra, như: (1) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng và hướng dẫn người dân sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt. (2) Chủ động xây dựng, rà soát, bổ sung phương án phòng cháy, chữa cháy rừng phù hợp với thực tế; tổ chức lực lượng trực 24/24 giờ trong mùa khô, đặc biệt trong các thời điểm nắng nóng gay gắt, cấp dự báo cháy rừng cao. (3) Việc ứng dụng khoa học, công nghệ được tăng cường, sử dụng thiết bị bay không người lái (flycam), hệ thống cảnh báo cháy rừng từ xa để kịp thời phát hiện sớm các điểm cháy. (4) Thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ, 3 sẵn sàng" tiếp tục được phát huy hiệu quả, góp phần xử lý nhanh các tình huống cháy rừng, hạn chế thấp nhất thiệt hại. (5) Tổ chức các đợt diễn tập PCCCR, nâng cao năng lực chỉ huy, hiệp đồng và sẵn sàng ứng phó khi có cháy rừng xảy ra.

Công tác phòng cháy chữa cháy rừng đạt được những kết quả nhất định như hôm nay phải kể đến lực lượng Nhân dân tại chỗ sẵn sàng tham gia trong thời gian nhanh nhất khi có sự cố cháy rừng xảy ra. Qua các buổi tuyên truyền tại thôn, làng, người dân đã hiểu và nắm rõ các quyền lợi của họ trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Đó là: (i) Quyền được cung cấp thông tin, cảnh báo cháy rừng, biện pháp phòng ngừa, sử dụng lửa an toàn trong rừng

và ven rừng. (ii) Quyền được bồi thường nếu tài sản bị huy động hoặc thiệt hại. (iii) Quyền được hỗ trợ nếu bị thiệt hại do cháy rừng. (iv) Quyền tham gia giám sát, phản ánh vi phạm. (v) Quyền hưởng lợi từ chính sách bảo vệ rừng gắn với PCCCR. Ngoài ra, khi tham gia chữa cháy, người dân sẽ được hỗ trợ chi trả ngày công, hỗ trợ tiền ăn

Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng không chỉ là nhiệm vụ của địa phương, lực lượng chức năng mà cần có sự tham gia tích cực của toàn xã hội, đặc biệt là người dân sinh sống gần rừng, ven rừng. Để hạn chế nguy cơ cháy rừng, mỗi người dân cần: Một là, không sử dụng lửa trong rừng và ven rừng. Hai là, không đốt nương rẫy, xử lý thực bì trái quy định. Ba là, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR. Bốn là, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ rừng tại địa phương. Năm là, kịp thời báo tin cho chính quyền hoặc lực lượng chức năng khi phát hiện cháy rừng.

Rừng không chỉ là "lá phổi xanh" điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, hạn chế thiên tai mà còn là nơi nuôi dưỡng cuộc sống con người, cung cấp sinh kế, thực phẩm, dược liệu và tạo nên không gian sinh thái trong lành. Với ý nghĩa đó, mỗi cánh rừng đều là tài sản vô giá, cần được gìn giữ và bảo vệ vì sự phát triển bền vững hôm nay và các thế hệ mai sau. Bảo vệ rừng là bảo vệ môi trường sống, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và tương lai của các thế hệ mai sau. Mỗi người dân chúng ta hãy nâng cao ý thức, trách nhiệm, chung tay cùng các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, góp phần giữ gìn màu xanh của rừng và phát triển bền vững.

Một số định hướng triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 tại Quảng Ngãi

Nguyễn Thị Hương
Chi cục Phát triển nông thôn

Trong tiến trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững và bao trùm, việc triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2026–2030 tại tỉnh Quảng Ngãi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là yêu cầu thực hiện các chủ trương lớn của Trung ương, mà còn là cơ hội để địa phương tái cấu trúc không gian phát triển, nâng cao chất lượng đời sống người dân nông thôn, nhất là tại các vùng còn nhiều khó khăn.

Đáng chú ý, việc triển khai các Chương trình MTQG diễn ra trong bối cảnh tỉnh Quảng Ngãi mới được hình thành sau sáp nhập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội. Với quy mô diện tích lớn, dân số trên 2,16 triệu người, cùng đặc điểm đa dạng về địa hình, dân cư và văn hóa, tỉnh hội tụ nhiều tiềm năng nhưng cũng đối mặt không ít thách thức trong quản lý và tổ chức phát triển. Đặc biệt, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 25% dân số, phân bố chủ yếu ở khu vực miền núi, biên giới – nơi điều kiện kinh tế - xã hội còn hạn chế, hạ tầng thiếu đồng bộ.

Trong bối cảnh đó, các Chươn g trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định là những trụ cột chính sách quan trọng. Việc tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình này không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của

Quảng Ngãi tập trung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

tỉnh, mà còn tạo nền tảng cho ổn định xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

Giai đoạn 2026 – 2030 được triển khai trên cơ sở kế thừa và hoàn thiện khung chính sách từ Trung ương, trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội và Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đây là căn cứ quan trọng để địa phương cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Thực tiễn giai đoạn trước cho thấy nhiều kết quả tích cực đã đạt được: tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn khoảng 2,50% (khu vực miền núi còn 4,09%); 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 619 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên. Những kết quả này phản ánh sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và phương thức tổ chức phát triển, từ sản xuất nông nghiệp đơn thuần sang phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị, gắn với thị trường và nâng cao thu nhập cho người dân.

Trên nền tảng đó, tỉnh Quảng Ngãi đặt ra các mục tiêu chủ yếu đến năm 2030 theo hướng phát triển bền vững và bao trùm. Cụ thể, phấn đấu có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn đa chiều; từng bước giải quyết căn bản các vấn đề về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là những mục tiêu có tính khả thi nhưng cũng đòi hỏi sự nỗ lực lớn trong tổ chức thực hiện.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, tỉnh xác định một số nhóm giải pháp trọng tâm.

Thứ nhất, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ, ưu tiên các vùng khó khăn. Hệ thống giao thông liên xã, điện lưới và công trình cấp nước sạch không chỉ phục vụ đời sống dân sinh mà còn tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa và thu hút đầu tư.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Định hướng chuyển từ tư duy "sản xuất nông nghiệp" sang "kinh tế nông nghiệp" được xác định rõ, trong đó chú trọng phát triển sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu và phát triển du lịch nông thôn.

Thứ ba, thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ. Việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quy hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu nông thôn mới, cùng với việc từng bước hình thành các mô hình "thôn thông minh" sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ công tại khu vực nông thôn.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động vùng đồng bào

dân tộc thiểu số, được xem là giải pháp then chốt nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo sinh kế bền vững và giảm nghèo lâu dài.

Thứ năm, tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn. Việc xây dựng cảnh quan "Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp", kết hợp phát triển kinh tế tuần hoàn trong xử lý chất thải nông nghiệp, không chỉ góp phần cải thiện môi trường sống mà còn tạo ra giá trị kinh tế mới.

Có thể thấy, việc triển khai các Chương trình MTQG là một quá trình tổng hợp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự tham gia của toàn xã hội. Trong đó, vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương là hết sức quan trọng trong việc tổ chức thực hiện, phân bổ nguồn lực và bảo đảm tính công khai, minh bạch.

Bên cạnh đó, người dân cần được xác định là chủ thể của quá trình phát triển. Việc phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tham gia tích cực vào các chương trình, dự án sẽ quyết định đến hiệu quả và tính bền vững của các chính sách.

Trong giai đoạn tới, với nền tảng đã được tạo dựng và định hướng phát triển rõ ràng, việc triển khai hiệu quả các Chương trình MTQG giai đoạn 2026–2030 sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng nông thôn Quảng Ngãi theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng đời sống người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

QUẢNG NGÃI CẢI CÁCH THỦ TỤC ĐẤT ĐAI: RÕ THỜI HẠN - MINH BẠCH TIẾN ĐỘ - THUẬN TIỆN CHO NGƯỜI DÂN

✍ ***Nguyễn Ngọc Phước***
Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh

Nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai cải cách mạnh mẽ thủ tục đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận theo hướng **một cửa – số hóa – công khai minh bạch – đúng hẹn**. Người dân có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa/Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, theo dõi trạng thái xử lý thuận tiện hơn.

Thực hiện Luật Đất đai 2024 và các quy định hướng dẫn, Quảng Ngãi tập trung đổi mới quy trình đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo mục tiêu "giảm phiền hà, tăng minh bạch, nâng chất lượng phục vụ".

1. Rõ thời hạn – tăng tính dự báo cho người dân

Một trong những điểm người dân quan tâm nhất khi làm thủ tục đất đai là "bao lâu có kết quả". Quy định hiện hành đã quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cụ thể, rõ ràng đối với các loại thủ tục hành chính liên quan đến linh vực đất đai: ví dụ như thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu không quá

Người dân và doanh nghiệp được giải quyết các thủ tục hành chính ngày càng tốt hơn

03 ngày làm việc. Thời hạn được tính từ khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian người dân thực hiện nghĩa vụ tài chính, thời gian niêm yết công khai hoặc các khâu theo quy định.

So với quy định trước đây theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, thời gian thực hiện nhóm thủ tục đăng ký/cấp Giấy chứng nhận theo khung không quá 30 ngày, quy định mới thể hiện quyết tâm đổi mới, rút ngắn chờ đợi và nâng cao trách nhiệm giải quyết hồ sơ đúng hạn.

2. Một cửa – liên thông: nộp đúng nơi, nhận đúng chỗ

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai trên tinh thần lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo; cán bộ không được gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở lựa chọn hình thức nộp hồ sơ.

Tại Quảng Ngãi, thủ tục đất đai được công khai tuyến tiếp nhận: hồ sơ thuộc Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh/chi nhánh khu vực III tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh; hồ sơ thuộc chi nhánh các khu vực, đặc khu tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp xã; hộ gia đình, cá nhân có thể nộp tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu.

3. Số hóa – dịch vụ công trực tuyến: làm thủ tục thuận tiện hơn

Từ 01/7/2025, toàn bộ dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia – "một địa chỉ duy nhất", giúp người dân dễ nhớ, dễ truy cập và thuận tiện theo dõi hồ sơ. Tỉnh đã hướng dẫn từng bước thao tác: đăng nhập, chọn tỉnh Quảng Ngãi, chọn "Nộp trực tuyến" và theo dõi hồ sơ sau khi nộp. Về mặt pháp lý – kỹ thuật, hệ thống cho phép nộp hồ sơ điện tử và nhận phản hồi kết quả tiếp nhận qua cổng dịch vụ công, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác.

4. Minh bạch tiến độ, tăng trách nhiệm giải trình

Quy trình đã công khai cơ chế thông báo khi không trả kết quả đúng hạn: cơ quan tiếp nhận, giải quyết phải gửi thông báo (văn bản/qua cổng dịch vụ công/tin nhắn SMS) và nêu rõ lý do.

Trong quý I/2026, toàn tỉnh giải quyết TTHC trước hạn đạt tỉ lệ cao **98,04%**; đồng thời triển khai nhắn SMS mời nhận kết quả trước hạn, thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả khi trễ hẹn, giúp người dân giảm đi lại nhiều lần.

5. Hiện đại hóa Giấy chứng nhận: mã QR và dữ liệu đồng bộ

Giấy chứng nhận được chuẩn hóa theo hướng số hóa: mã QR thể hiện và phản hồi thông tin có giá trị thống nhất với dữ liệu đất đai; mã QR được khởi tạo và in trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai, góp phần nâng độ tin cậy và thuận lợi tra cứu.

Đặc biệt, Quảng Ngãi đã thu thập – chuẩn hóa dữ liệu đối với hơn **1,48 triệu** thửa đất và đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia hơn **1,53 triệu** thửa, tạo nền tảng để cải cách mạnh hơn trong chia sẻ dữ liệu, giảm giấy tờ lặp lại.

6. Kêu gọi hành động

Để hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết nhanh, đúng hạn, đề nghị người dân: chuẩn bị hồ sơ theo danh mục công khai; ưu tiên nộp trực tuyến khi thuận tiện; cung cấp số điện thoại/email để nhận thông báo; thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng thời hạn.

Thông tin hỗ trợ: liên hệ **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi** (Số 54 Hùng Vương, phường Cẩm Thành; điểm làm việc thứ 2: 492 Trần Phú, phường Kon Tum; điện thoại 0255 3718 200 hoặc 0255 3935 555).

TĂNG CƯỜNG CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC, QUẢN LÝ CHẤT THẢI NHẰM GIẢM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI QUẢNG NGÃI

Lê Thị Kim Kiều
Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Trong những năm qua, ngành chăn nuôi tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước hướng đến phát triển bền vững, an toàn và thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, trước áp lực ngày càng lớn từ dịch bệnh, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, yêu cầu tăng cường quản lý chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học gắn với kiểm soát chất thải đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học như kiểm soát nguồn giống, vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại định kỳ, quản lý chặt chẽ người và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi. Đồng thời, khuyến khích phát triển các mô hình chăn nuôi khép kín, ứng dụng công nghệ cao nhằm hạn chế nguy cơ lây lan dịch bệnh nguy hiểm như dịch tả heo châu Phi, cúm gia cầm.

Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi cũng được chú trọng triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao sức đề kháng, giảm thiểu rủi ro và thiệt hại cho người chăn nuôi. Nhờ đó, nhận thức và ý thức của người dân về chăn nuôi an toàn sinh học từng bước được nâng lên.

Máy ép phân tại Trang trại chăn nuôi của Công ty TNHH An Hội, An Phát

Song song với đó, quản lý chất thải chăn nuôi được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo vệ môi trường. Nhiều cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải hiện đại hơn; tận dụng chất thải hữu cơ để sản xuất phân bón phục vụ trồng trọt. Các mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi đang từng bước được hình thành và nhân rộng, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 247 cơ sở chăn nuôi trang trại, trong đó khu vực phía Tây có 150 trang trại và phía Đông có 97 trang trại. Đáng chú ý có 01 trang trại bò sữa quy mô lớn với hơn 4.200 con. Phần lớn các trang trại đã ứng dụng công nghệ tiên tiến như hệ thống làm mát, sưởi ấm, quạt thông gió,

máng ăn uống tự động, hệ thống phun sương và thiết bị xử lý chất thải hiện đại. Một số cơ sở lớn đã bắt đầu triển khai mô hình chăn nuôi tuần hoàn, ứng dụng công nghệ sinh học và nông nghiệp hữu cơ, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

Đến nay, cơ quan chức năng đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi quy mô lớn cho 15 trang trại. Đây là cơ sở quan trọng để thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng chuyên nghiệp, bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một bộ phận cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ chưa thực hiện tốt việc thu gom, xử lý chất thải, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Trước thực trạng này, chính quyền địa phương đã tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm, đồng thời hỗ trợ người dân tiếp cận các giải pháp xử lý phù hợp.

Theo thống kê, mỗi ngày hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phát sinh khoảng 13.850 tấn chất thải. Đây là nguồn chất thải có hàm lượng hữu cơ và dinh dưỡng cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi và ô nhiễm nếu không được xử lý đúng cách. Trong khi đó, hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ vẫn còn phổ biến, gây khó khăn trong kiểm soát dịch bệnh, xử lý chất thải và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Việc áp dụng các biện pháp xử lý chất thải tại các hộ chăn nuôi còn hạn chế do chi phí đầu tư cao, thiếu mặt bằng và kỹ thuật. Nhiều hộ gia đình chưa đủ nguồn lực để đầu tư hệ thống thu gom, xử lý tại chỗ. Bên cạnh đó, cơ chế khuyến khích thu gom, tái chế chất thải còn thiếu; thị trường tiêu thụ phân hữu cơ chưa ổn định, chưa có tiêu chuẩn chứng nhận rõ ràng, gây khó khăn cho doanh nghiệp đầu tư. Năng lực quản lý, vận hành các công trình xử lý chất thải cũng còn hạn chế.

Trước những khó khăn đó, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải chăn nuôi. Về chính sách, cần có cơ chế hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý chất thải tại nguồn như trợ cấp, tín dụng ưu đãi cho các trang trại áp dụng công nghệ biogas, compost. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thu mua, chế biến chất thải thành phân hữu cơ, hình thành thị trường tiêu thụ ổn định.

Cùng với đó, cần tập trung phát triển các vùng chăn nuôi tập trung an toàn dịch bệnh, đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao và kinh tế tuần hoàn. Hệ thống thú y cơ sở cần được củng cố, đồng thời có chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô trang trại, bền vững hơn.

Về kỹ thuật, đối với chăn nuôi nông hộ, cần khuyến khích áp dụng các mô hình như đệm lót sinh học, ủ compost kết hợp nguyên liệu sẵn có để sản xuất phân hữu cơ. Đối với các trang trại quy mô vừa và lớn, cần đầu tư hệ thống biogas kết hợp xử lý nước thải nhằm tận dụng khí sinh học và giảm thiểu ô nhiễm. Đồng thời, từng bước hình thành các mô hình xử lý chất thải tập trung, gắn với sản xuất phân bón hữu cơ đạt tiêu chuẩn và liên kết tiêu thụ.

Việc xây dựng chuỗi giá trị tuần hoàn "chăn nuôi – xử lý chất thải – sản xuất phân bón – trồng trọt" là hướng đi tất yếu, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm áp lực môi trường.

Trong thời gian tới, Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Ngãi tiếp tục định hướng phát triển ngành chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô trang trại, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về chăn nuôi an toàn sinh học và bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững.

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHẤT THẢI TRONG CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Lê Thị Kim Kiều
Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững và giảm phát thải ngày càng cấp thiết, ngành chăn nuôi tỉnh Quảng Ngãi đang đứng trước áp lực lớn phải đổi mới phương thức sản xuất, đặc biệt là trong xử lý chất thải. Sự gia tăng nhanh về quy mô đàn vật nuôi những năm gần đây đã kéo theo lượng chất thải phát sinh lớn, nếu không được xử lý hiệu quả sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân và sự phát triển lâu dài của ngành.

Hầm biogas xử lý chất thải

Hiện nay, tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh duy trì ở mức cao với hơn 1 triệu con gia súc và gần 8 triệu con gia cầm. Bên cạnh các trang trại quy mô lớn đã được đầu tư bài bản, chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể. Điều này khiến việc thu gom, xử lý chất thải chưa đồng bộ, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Trong khi đó, các trang trại quy mô lớn đã từng bước đầu tư công nghệ xử lý hiện đại, cho thấy hiệu quả rõ rệt, mở ra hướng đi cần được nhân rộng.

Một trong những giải pháp nổi bật đang được áp dụng là hệ thống tách ép phân kết hợp xử lý sinh học. Công nghệ này cho phép phân tách chất thải rắn và lỏng ngay từ đầu nguồn. Phần chất thải rắn được ủ với chế phẩm vi sinh để sản xuất phân bón hữu cơ, trong khi nước thải được xử lý qua hệ thống biogas hoặc các bể sinh học trước khi tái sử dụng. Việc kết hợp giữa cơ học và sinh học không chỉ giảm tải ô nhiễm mà còn tận dụng chất thải để tạo giá trị gia tăng.

Thực tế hệ thống xử lý chất thải nông nghiệp An Hội *(của Trang trại chăn nuôi - Công ty TNHH An Hội, An Phát (xã Nghĩa Giang)* cho thấy hiệu quả rõ rệt của việc áp dụng công nghệ hiện đại. Tại đây, chất thải chăn nuôi được thu gom tập trung, sử dụng máy tách ép phân ALDEC 30 *(của tập đoàn Alfa Laval Thụy Điển sản xuất)* để phân tách chất thải, sau đó tiếp tục xử

lý bằng công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh. Mô hình này không chỉ giảm đáng kể lượng chất thải ra môi trường mà còn tạo ra sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần hình thành chu trình kinh tế tuần hoàn.

Bên cạnh đó, tại trang trại chăn nuôi của anh Nguyễn Văn Sáng (xã Trà Giang), mô hình chăn nuôi tuần hoàn đã được áp dụng khá đồng bộ. Đối với khu chăn nuôi lợn, toàn bộ chất thải được thu gom qua hệ thống bể chứa, sau đó sử dụng máy ép phân để tách nước và chất rắn. Phần chất rắn được ủ với men vi sinh làm phân bón, trong khi nước thải được xử lý qua hầm biogas và các bể lọc trước khi sử dụng tưới cỏ phục vụ chăn nuôi bò. Đồng thời, trang trại còn sử dụng chế phẩm vi sinh trong hệ thống phun sương để giảm mùi hôi và bổ sung vào thức ăn nhằm nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi.

Đối với chăn nuôi bò, mô hình đệm lót sinh học tại đây cũng mang lại hiệu quả rõ rệt. Lớp đệm được làm từ trấu, mùn cưa kết hợp với chế phẩm vi sinh giúp phân hủy chất thải ngay tại chuồng nuôi, giảm mùi hôi, hạn chế vi khuẩn gây bệnh và tiết kiệm nước vệ sinh. Sau một thời gian sử dụng, lớp đệm này tiếp tục được tận dụng làm phân bón cho cây trồng, tạo thành vòng tuần hoàn khép kín.

Ngoài các mô hình trên, hầm biogas vẫn là giải pháp phổ biến và phù hợp với cả trang trại và hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Thông qua quá trình phân hủy yếm khí, chất thải được chuyển hóa thành khí sinh học phục vụ đun nấu, góp phần giảm chi phí sinh hoạt, đồng thời hạn chế mùi hôi và khí thải ra môi trường. Đây là giải pháp có chi phí đầu tư không quá cao, dễ áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực.

Việc ứng dụng chế phẩm vi sinh trong xử lý chất thải và môi trường chăn nuôi cũng đang được mở rộng. Các vi sinh vật có lợi giúp phân hủy nhanh chất hữu cơ, giảm phát thải khí độc, đồng thời cải thiện môi trường sống cho vật nuôi. Khi được bổ sung vào thức ăn, vi sinh còn góp phần tăng sức đề kháng, giảm nguy cơ dịch bệnh.

Có thể thấy, các mô hình ứng dụng công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi tại Quảng Ngãi đã bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, góp phần cải thiện môi trường, giảm ô nhiễm và tạo thêm nguồn thu từ các sản phẩm tái chế. Tuy nhiên, việc nhân rộng các mô hình này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nhỏ lẻ do hạn chế về vốn, kỹ thuật và mặt bằng.

Trong thời gian tới, để thúc đẩy chuyển đổi xanh trong chăn nuôi, cần tiếp tục tăng cường hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ xử lý chất thải phù hợp; khuyến khích chuyển đổi sang chăn nuôi quy mô trang trại; phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, cần đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và từng bước ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chăn nuôi và môi trường.

Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi không chỉ là giải pháp bảo vệ môi trường mà còn là hướng đi tất yếu để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Với sự vào cuộc của các cấp, ngành và người chăn nuôi, Quảng Ngãi đang từng bước xây dựng nền nông nghiệp xanh, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HƯỞNG ỨNG NGÀY NƯỚC THẾ GIỚI VÀ NGÀY KHÍ TƯỢNG THẾ GIỚI NĂM 2026

Cao Thị Hồng Thắm
Chi cục Thủy lợi

Bảo vệ nguồn nước ngọt là trách nhiệm của toàn xã hội

Ngày 19/3/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 2522/SNNMT-TL về việc hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới năm 2026.

Theo đó, Ngày Nước thế giới năm 2026 do Liên hợp quốc phát động với chủ đề "Nước và Bình đẳng giới" (Water and Gender), nhấn mạnh mối liên hệ chặt chẽ giữa tài nguyên nước, vệ sinh an toàn và bình đẳng giới trong tiến trình phát triển bền vững. Việc tiếp cận nước sạch và điều kiện vệ sinh an toàn không chỉ là quyền cơ bản của con người mà còn là nền tảng quan trọng để thu hẹp khoảng cách giới. Chủ đề năm nay đặt phụ nữ và trẻ em gái vào vị trí trung tâm của các giải pháp về nước, hướng tới cách tiếp cận dựa trên quyền, mang tính chuyển đổi, đồng thời kêu gọi tăng cường vai trò, tiếng nói và sự tham gia của phụ nữ trong quản trị tài nguyên nước.

Cùng với đó, Ngày Khí tượng thế giới năm 2026 được phát động với chủ đề "Quan trắc hôm nay, Bảo vệ ngày mai" (Observing Today, Protecting Tomorrow). Chủ đề khẳng định vai trò then chốt của hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn và môi trường trong việc bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân và hệ sinh thái trước các rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng. Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO) đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, từ hệ thống vệ tinh, phao biển đến các trạm khí tượng thủy văn tại vùng sâu, vùng xa; coi đây là nguồn dữ liệu đầu vào quan trọng phục vụ chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nâng cao hiệu quả dự báo, cảnh báo và ra quyết định ứng phó thiên tai.

Để hưởng ứng hai sự kiện trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể; UBND các xã, phường và đặc khu tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế. Trọng tâm là đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền thông qua nhiều hình thức như treo pano, băng rôn, áp phích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường tại các khu vực công cộng, trụ sở cơ quan, tuyến đường chính;

tổ chức tọa đàm, hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học; phát động các cuộc thi, triển lãm tranh, ảnh về tài nguyên nước và khí tượng thủy văn.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong công tác truyền thông; phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông nâng cao thời lượng và chất lượng tuyên truyền, đặc biệt trên các nền tảng số. Nội dung tuyên truyền tập trung làm rõ vai trò, tầm quan trọng của tài nguyên nước; thúc đẩy bình đẳng giới trong tiếp cận và quản lý nguồn nước; nâng cao nhận thức về vai trò của dự báo khí tượng, cảnh báo sớm trong phòng, chống thiên tai; đồng thời cung cấp thông tin về tác động và giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Song song đó, cần chú trọng tuyên truyền, vận động người dân thực hiện lối sống xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước và năng lượng; nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Thông tin, tài liệu phục vụ tuyên truyền được cập nhật tại Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (http://mae.gov.vn), Cục Quản lý tài nguyên nước (http://dwrm.mae.gov.vn), Cục Khí tượng Thủy văn (http://vnmha.mae.gov.vn/) và Báo Nông nghiệp và Môi trường (https://nongnghiepmoitruong.vn/).

QUẢNG NGÃI: CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DVMTR TẠO SINH KẾ CHO NGƯỜI DÂN

✍ ***Nguyễn Thị Lệ***
Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và PCTT tỉnh

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) tại Quảng Ngãi thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Trước hết, nhận thức và trách nhiệm của chính quyền địa phương, các tổ chức, cộng đồng dân cư và người dân về quản lý, bảo vệ rừng được nâng lên rõ rệt, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Qua đó, không chỉ góp phần giảm tình trạng xâm hại rừng mà còn tạo thêm thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh cơ bản được duy trì ổn định theo mục tiêu Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021–2030. Năm 2025, diện tích rừng được chi trả DVMTR (năm 2024) đạt khoảng 409.989,62 ha/881.641,7 ha toàn tỉnh, chiếm 46,5%.

Chính sách chi trả DVMTR được xác định là một trong những công cụ hiệu quả để xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư sống gần rừng. Cơ chế chi trả dựa trên dịch vụ môi trường rừng đã gắn kết chặt chẽ giữa trách nhiệm bảo vệ rừng với lợi ích kinh tế người dân được hưởng. Sau hơn 10 năm triển khai trên phạm vi cả nước, chính sách đã khẳng định tính đúng đắn, mang lại hiệu quả rõ rệt cả về bảo vệ, phát triển rừng lẫn cải thiện đời sống người làm nghề rừng, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trong năm 2025, Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi đã chi trả tiền DVMTR năm 2024 cho 3.680 hộ gia đình với số tiền 32.996 triệu đồng và 203 cộng đồng dân cư thôn với số tiền 17.354 triệu đồng, tổng cộng 50.350 triệu đồng, tương ứng diện tích 55,901 nghìn ha. Bình quân mỗi hộ gia đình nhận khoảng 9 triệu

đồng/năm, mỗi cộng đồng dân cư thôn khoảng 85 triệu đồng/năm.

Bên cạnh đó, các đơn vị chủ rừng là tổ chức và UBND cấp xã đã thực hiện khoán quản lý, bảo vệ rừng từ nguồn DVMTR cho 472 hộ gia đình, cá nhân; 344 cộng đồng dân cư thôn; 119 nhóm hộ và 08 tổ chức khác, với tổng diện tích khoán 134,26 nghìn ha, tổng số tiền chi trả khoảng 106.877,5 triệu đồng. Thu nhập bình quân mỗi hộ nhận khoán khoảng 9,2 triệu đồng/năm; mỗi cộng đồng dân cư thôn khoảng 278,2 triệu đồng/năm; nhóm hộ khoảng 45,12 triệu đồng/năm và mỗi tổ chức khoảng 381,67 triệu đồng/năm.

Nguồn tiền chi trả DVMTR được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch đã góp phần cải thiện đáng kể đời sống người dân miền núi. Nhiều thôn, làng đã sử dụng một phần kinh phí để tu sửa cơ sở hạ tầng như công trình nước sạch, nhà văn hóa, đường giao thông nông thôn. Đồng thời, tùy điều kiện từng địa phương, nhiều mô hình sinh kế cũng được hình thành và phát triển.

Điển hình là cộng đồng dân cư thôn Đăk Ven, xã

Người dân trồng rừng phòng hộ (thông ba lá)

Đăk Pék, đang nhận khoán quản lý, bảo vệ 755,930 ha rừng đặc dụng và được hưởng chi trả DVMTR từ Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh. Nhờ thực hiện tốt công tác tuần tra, bảo vệ rừng, năm 2024 và tạm ứng năm 2025, cộng đồng đã được chi trả hơn 1,153 tỷ đồng. Nguồn kinh phí này được sử dụng cho hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng và phân chia cho các thành viên theo ngày công lao động.

Gia đình ông A Thắng là một điển hình tiêu biểu. Năm 2025, từ tiền công bảo vệ rừng khoảng 6,4 triệu đồng, ông đã đầu tư mua 5 con dê giống để phát triển chăn nuôi. Đến nay, đàn dê đã tăng lên 13 con, bước đầu mang lại nguồn thu nhập ổn định. Theo ông Thắng, việc tham gia bảo vệ rừng không chỉ mang lại thu nhập mà còn nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong gìn giữ tài nguyên rừng, đồng thời tạo sự gắn kết trong cộng đồng.

Ngoài ra, tại thôn Đăk Ven còn nhiều hộ dân sử dụng hiệu quả nguồn tiền DVMTR để phát triển sinh kế, tiêu biểu như mô hình

trồng thông ba lá gắn với quản lý, bảo vệ rừng bền vững.

Hiện nay, tổng nguồn thu từ DVMTR trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 373 tỷ đồng mỗi năm, góp phần quan trọng trong việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân tham gia bảo vệ rừng. Qua đó, ý thức bảo vệ rừng được nâng lên, số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp giảm rõ rệt. Nhiều cộng đồng đã chủ động thành lập các tổ, nhóm bảo vệ rừng để thường xuyên tuần tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

Từ thực tiễn có thể khẳng định, chính sách chi trả DVMTR đã và đang tạo nguồn thu nhập ổn định, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện sinh kế cho hàng nghìn hộ dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số sống gần rừng. Đây là một trong những chính sách quan trọng, góp phần phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh.

KHUYẾN NÔNG QUẢNG NGÃI TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI CỦA THỜI ĐẠI

Phạm Thanh
Trung tâm Khuyến nông

Trong bối cảnh nông nghiệp đang đứng trước những áp lực lớn, từ biến đổi khí hậu, yêu cầu khắt khe của thị trường đến xu thế chuyển đổi số,...làm cho mô hình tăng trưởng truyền thống đã bộc lộ rõ những giới hạn. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc toàn diện ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Trong tiến trình đó, hệ thống khuyến nông không chỉ giữ vai trò hỗ trợ kỹ thuật đơn thuần, mà đang từng bước khẳng định vị thế là lực lượng then chốt trong tổ chức lại sản xuất, chuyển giao tri thức và dẫn dắt đổi mới từ cơ sở. Tại Quảng Ngãi, yêu cầu này càng trở nên rõ nét khi nông nghiệp vẫn là trụ đỡ của khu vực nông thôn, đòi hỏi khuyến nông phải đi trước một bước, làm cầu nối đưa công nghệ, tư duy và phương thức sản xuất mới đến với người dân một cách thực chất và hiệu quả.

Khuyến nông - lực lượng nòng cốt tổ chức lại sản xuất và chuyển giao tri thức

Trong tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến nông tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong việc kết nối hiệu quả giữa nhà khoa học, nhà quản lý và người nông dân. Thông qua hệ thống tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn, tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ phát triển sản xuất, khuyến nông đã và đang

Cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn trực tiếp kỹ thuật canh tác cây cà phê cho người dân các xã phía Tây

góp phần trực tiếp nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của nông sản. Không dừng lại ở chuyển giao kỹ thuật, khuyến nông còn tham gia định hình các vùng sản xuất tập trung, phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ. Vai trò này ngày càng rõ nét tại Quảng Ngãi, đặc biệt ở khu vực miền núi, nơi khuyến nông trở thành lực lượng "cắm chốt" tại cơ sở, góp phần tổ chức lại sản xuất theo hướng hiệu quả và bền vững.

Chuyển đổi số - động lực đổi mới phương thức sản xuất và hoạt động khuyến nông

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, chuyển đổi số không còn là lựa chọn mà là yêu cầu tất yếu đối với ngành nông nghiệp. Việc ứng dụng các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và các nền tảng quản lý sản xuất thông minh đang tạo ra bước chuyển căn bản trong cách thức tổ chức sản xuất: từ kiểm soát đầu vào, tối ưu quy trình, đến truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường. Đồng thời, chính hoạt động khuyến nông cũng đang chuyển mình mạnh mẽ khi kết hợp giữa phương thức truyền thống và nền tảng số, giúp mở rộng phạm vi tiếp cận tri thức, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật cho người dân. Đối với địa bàn miền núi Quảng Ngãi, đây là giải pháp quan trọng để rút ngắn khoảng cách thông tin và thúc đẩy phát triển đồng đều giữa các vùng.

Khuyến nông cộng đồng - yếu tố quyết định và lực lượng dẫn dắt đổi mới

Trong giai đoạn phát triển mới, vai trò của khuyến nông cộng đồng đã có sự chuyển dịch căn bản, từ người truyền đạt kỹ thuật sang người tổ chức, hướng dẫn và dẫn dắt quá trình đổi mới sản xuất. Điều này đòi hỏi đội ngũ khuyến nông không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, chủ động tiếp cận công nghệ mới và thích ứng với phương thức làm việc hiện đại. Thực tiễn cho thấy, khuyến nông cộng đồng đã trở thành "cầu nối công nghệ", giúp người nông dân tiếp cận và ứng dụng hiệu quả các giải pháp kỹ thuật và nền tảng số vào sản xuất và tiêu thụ nông sản. Tuy nhiên, yếu tố quyết định vẫn nằm ở tinh thần trách nhiệm, sự gắn bó với cơ sở và khả năng đồng hành cùng nông dân trong suốt quá trình sản xuất. Đây chính là nền tảng để khuyến nông tiếp tục giữ vai trò tiên phong trong thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành trong dài hạn.

Trong giai đoạn phát triển mới, chuyển đổi số không chỉ là công cụ mà đã trở thành động lực tái định hình toàn bộ nền nông nghiệp. Tuy nhiên, công nghệ chỉ thực sự phát huy giá trị khi được dẫn dắt bởi một lực lượng có năng lực, gần cơ sở và hiểu thực tiễn. Ở góc độ đó, khuyến nông cộng đồng chính là "mắt xích chiến lược" đưa tri thức vào sản xuất, biến tiến bộ kỹ thuật thành giá trị cụ thể trên từng cánh đồng. Đối với Quảng Ngãi, việc nâng cao chất lượng đội ngũ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà là yêu cầu mang tính lâu dài để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành nông nghiệp. Một nền nông nghiệp hiện đại, bền vững sẽ không thể hình thành nếu thiếu một hệ thống khuyến nông mạnh, chủ động và gắn bó với cơ sở. Và chính từ những bước đi bền bỉ ấy, tương lai nông nghiệp Quảng Ngãi sẽ được định hình theo hướng hiệu quả hơn, giá trị hơn và thích ứng tốt hơn với những biến động của thời đại.

GIÁ TRỊ CÁC LOÀI DƯỢC LIỆU TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NGỌC LINH

Lê Hữu Tuấn
Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh

Sâm Ngọc Linh - loài sâm quý của thế giới, chứa hàm lượng saponin rất cao cùng nhiều hợp chất đặc hữu

Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh nằm trong vùng núi cao, có độ cao từ khoảng 600 đến trên 2.600 mét so với mực nước biển, khí hậu mát mẻ quanh năm, độ ẩm cao, thảm thực vật rừng kín thường xanh phát triển phong phú. Đây là những điều kiện lý tưởng để nhiều loài dược liệu sinh trưởng và phát triển.

Theo các kết quả điều tra, hiện nay đã thống kê được khu vực này là nơi phân bố của 357 loài cây có thể dùng làm thuốc, chiếm 32.72% tổng số loài ghi nhận được tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh. Nếu so với tổng số loài đã phát hiện ở đây, cho thấy cây làm thuốc đã chiếm một vị trí khá quan trọng của khu hệ. Khu vực này là nơi phân bố của hàng trăm loài thực vật có công dụng làm thuốc, trong đó có nhiều loài quý hiếm, đặc hữu và có giá trị cao như Sâm ngọc linh – *Panax vietnamensis*, Đẳng sâm – *Codonopsis javanica*, Lan kím tuyến – *Anoetochilus spp*, Hoàng đằng - *Fibraurea recisa*, Cốt toái bổ - *Drynaria spp*, Gừng tía – *Zingiper rubens*, Dây huyết rồng - *Spatholobus harmandii*,.... Trong số loài cây làm thuốc, hầu hết đã được ghi nhận về giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của y học cổ truyền dân tộc. Những cây thuốc này có thể sử dụng vào các bài thuốc, toa thuốc đông y để chữa trị nhiều chứng bệnh thông thường như các bệnh đau xương- khớp, bệnh đường tiêu hoá, đường hô hấp, bệnh gan, thận, cảm sốt và bệnh ngoài da....

Giá trị y học, nghiên cứu khoa học

Giá trị lớn nhất của các loài dược liệu tại Ngọc Linh nằm ở phương diện y học và nghiên cứu khoa học. Chính điều kiện thổ nhưỡng, sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh đã làm cho giá trị các loài dược liệu được nâng lên về y học, nghiên cứu khoa học. Tiêu biểu nhất là Sâm Ngọc Linh được giới chuyên môn đánh giá là một trong những loài sâm quý của thế giới, chứa hàm lượng saponin rất cao cùng nhiều hợp chất đặc hữu chưa phát hiện ở các loài sâm khác. Những hoạt chất này có tác dụng tăng cường miễn dịch, chống stress, chống oxy hóa, hỗ trợ phục hồi sức khỏe và nâng cao thể trạng.

Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh còn là vùng có ý nghĩa đặc biệt về nghiên cứu khoa học. Nguồn gen dược liệu phong phú tại đây là cơ sở quan trọng cho: nghiên cứu bảo tồn nguồn gen, chọn tạo giống, phát triển dược phẩm sinh học, xây dựng thương hiệu dược liệu quốc gia.

Giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái.

Các loài dược liệu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh có ý nghĩa đặc biệt trong bảo tồn nguồn gen quý hiếm và duy trì cân bằng hệ sinh thái rừng. Nhiều loài cây thuốc là thành phần quan trọng trong cấu trúc thảm thực vật, có vai trò trong duy trì độ che phủ, độ ẩm và môi trường sống cho các loài sinh vật khác. Nhiều loài đặc hữu, phân bố hẹp ở dãy núi Ngọc Linh như sâm Ngọc Linh, Lan kim tuyến không cựa *(Odontochilus acalcaratus)*,…Việc bảo tồn các loài này góp phần trực tiếp vào mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tổng thể của khu bảo tồn.

Giá trị kinh tế và sinh kế cho người dân

Không chỉ mang giá trị y học, các loài dược liệu tại Ngọc Linh còn có ý nghĩa kinh tế rất lớn. Việc phát triển dược liệu dưới tán rừng, đặc biệt là sâm Ngọc Linh và các cây thuốc bản địa, đã và đang trở thành hướng sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống quanh vùng đệm khu bảo tồn. Nhiều hộ dân đã có thêm nguồn thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo, nâng cao đời sống. Mô hình phát triển dược liệu còn tạo động lực để người dân gắn bó với rừng, xem rừng là tài sản cần bảo vệ lâu dài thay vì khai thác ngắn hạn.

Thực vật làm thuốc là một trong những giá trị nổi bật nhất của Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh. Mỗi loài cây thuốc không chỉ mang giá trị về kinh tế mà còn chứa đựng giá trị khoa học, sinh thái và văn hóa lâu đời. Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng dược liệu ngày càng tăng, việc điều tra, thống kê, bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc tại Ngọc Linh là yêu cầu cấp thiết. Đây không chỉ là trách nhiệm của lực lượng quản lý bảo vệ rừng mà còn cần sự chung tay của chính quyền, nhà khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Giữ được màu xanh của rừng cũng chính là giữ gìn kho tàng dược liệu vô giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng sinh thái núi Ngọc Linh./.

Đẳng sâm (Codonopsis javanica), một loài dược liệu được người dân vùng đệm Khu bảo tồn canh tác

DÃY NÚI NGỌC LINH - BẢN HÙNG CA XANH GIỮA ĐẠI NGÀN TRƯỜNG SƠN

Lê Hữu Tuấn
Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh

Giữa miền núi rừng hùng vĩ của khối núi Nam Trường Sơn, dãy núi Ngọc Linh hiện lên như một biểu tượng đặc biệt của thiên nhiên hoang sơ, kỳ vĩ và giàu sức sống. Không chỉ được biết đến là "nóc nhà miền Trung", nơi đây còn là vùng sinh thái đặc hữu, là chiếc nôi của nhiều nguồn gen quý hiếm và là không gian cảnh quan mang vẻ đẹp hiếm có. Với những cánh rừng nguyên sinh, những triền núi ẩn hiện trong mây trắng, những con suối đầu nguồn trong trẻo quanh năm và khí hậu mát lạnh đặc trưng của vùng núi cao, Ngọc Linh để lại trong lòng người ta cảm giác vừa ngỡ ngàng, vừa bình yên.

Nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng, dãy núi Ngọc Linh là một phần quan trọng của hệ thống núi cao Trường Sơn. Từ chân núi lên các đai cao, cảnh quan thay đổi theo độ cao và độ ẩm, mở ra bức tranh sinh động về rừng nhiệt đới ẩm và rừng á nhiệt đới với nhiều kiểu thảm thực vật đa dạng.

Dãy núi Ngọc Linh

Ấn tượng đầu tiên mà dãy núi này mang lại chính là vẻ đẹp hùng tráng của địa hình. Những dãy núi nối tiếp nhau, lớp sau cao hơn lớp trước, trải dài trong tầm mắt. Buổi sớm, mây mù phủ kín các sườn núi, tạo nên không gian huyền ảo như một bức tranh thủy mặc. Khi nắng lên, ánh sáng xuyên qua màn sương, làm khu rừng bừng sáng trong gam màu xanh thẳm và ánh vàng dịu nhẹ. Cảnh sắc ấy vừa mạnh mẽ, khoáng đạt, vừa mềm mại, thơ mộng.

Đi sâu vào lòng núi là thế giới của rừng già nguyên sinh – linh hồn của cảnh quan Ngọc Linh. Những thân cây cổ thụ cao vút, lớp rêu xanh phủ dày trên thân cây, trên đá và cả mặt đất, tạo nên một không gian đậm chất nguyên sơ. Dưới tán rừng nhiều tầng là vô vàn loài thực vật sinh trưởng, từ cây gỗ lớn, cây bụi đến phong lan và các loài dược liệu quý. Không gian luôn ẩm mát, tĩnh lặng nhưng đầy âm thanh của tự nhiên: tiếng gió, tiếng nước chảy, tiếng chim và côn trùng hòa quyện thành bản hòa âm của núi rừng.

Một trong những yếu tố làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của dãy núi Ngọc Linh là khí hậu. Do có độ cao

lớn, khu vực này mang sắc thái mát lạnh quanh năm, khác biệt rõ rệt so với vùng đồng bằng. Trong cùng một ngày, thời tiết có thể thay đổi nhanh chóng: sáng sớm sương mù, trưa nắng nhẹ, chiều lại se lạnh. Chính sự giao thoa ấy tạo nên nét quyến rũ rất riêng cho cảnh quan nơi đây, mang lại cảm giác thư thái và gần gũi với thiên nhiên.

Không chỉ có núi cao và rừng già, cảnh quan Ngọc Linh còn được tô điểm bởi hệ thống suối, thác và nguồn nước đầu nguồn trong mát. Từ những cánh rừng sâu, nước len lỏi qua khe đá, hợp thành những con suối róc rách ngày đêm. Có nơi suối chảy êm đềm dưới tán cây rậm rạp, có nơi nước đổ thành dòng trắng xóa từ các vách đá. Sự hiện diện của nước làm cho cảnh quan thêm mềm mại và tràn đầy sinh khí, đồng thời nuôi dưỡng hệ sinh thái phong phú của vùng núi rộng lớn.

Giá trị đặc biệt của dãy núi Ngọc Linh còn nằm ở đa dạng sinh học. Đây là nơi cư trú của nhiều loài động, thực vật quý hiếm, trong đó có nhiều loài đặc hữu như sâm Ngọc Linh, cầu diệp Ngọc Linh, khướu Ngọc Linh… Thảm thực vật phong phú, cấu trúc rừng đa tầng và khí hậu đặc thù đã tạo nên môi trường sống lý tưởng cho nhiều loài sinh vật phát triển. Điều đó khiến mỗi cánh rừng không chỉ đẹp về cảnh quan mà còn chứa đựng giá trị sinh thái to lớn.

Đặc biệt, dãy núi này còn gắn liền với sâm Ngọc Linh – loài dược liệu quý hiếm, trở thành niềm tự hào của địa phương và của Việt Nam. Sự hiện diện của sâm không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn là minh chứng cho điều kiện tự nhiên đặc biệt của vùng núi này. Việc bảo vệ rừng, giữ gìn môi trường sinh thái chính là điều kiện tiên quyết để bảo tồn những giá trị quý báu đó.

Vẻ đẹp của dãy núi Ngọc Linh còn nằm ở chiều sâu văn hóa. Dưới chân núi, cộng đồng các dân tộc bản địa đã gắn bó từ lâu đời với rừng, với suối và phong tục truyền thống riêng có. Đối với họ, núi rừng không chỉ là nơi cư trú mà còn là không gian văn hóa, là nguồn sống và là nơi lưu giữ ký ức cộng đồng. Sự hòa quyện giữa thiên nhiên và đời sống con người tạo nên chiều sâu đặc biệt cho vùng đất này.

Trong bối cảnh hiện nay, khi nhiều khu vực thiên nhiên chịu sức ép từ khai thác và biến đổi khí hậu, vẻ đẹp nguyên sơ của dãy núi Ngọc Linh càng trở nên quý giá. Đây không chỉ là tài sản của địa phương mà còn là tài sản sinh thái chung của quốc gia. Bảo vệ Ngọc Linh không chỉ là bảo vệ cảnh quan mà còn là bảo vệ rừng đầu nguồn, nguồn nước, hệ sinh thái và các giá trị văn hóa gắn liền với núi rừng.

Cùng với việc phát huy tiềm năng du lịch sinh thái và nghiên cứu khoa học, yêu cầu đặt ra là phải giữ được tính nguyên vẹn của cảnh quan. Phát triển phải đi đôi với bảo tồn. Một khi rừng bị tổn thương, vẻ đẹp của Ngọc Linh cũng không còn trọn vẹn. Điều làm nên sức hấp dẫn của nơi đây chính là sự hoang sơ, trong trẻo và bền bỉ của thiên nhiên.

Dãy núi Ngọc Linh hôm nay vẫn lặng lẽ đứng giữa đại ngàn Trường Sơn như một bản hùng ca của rừng già và sự sống. Mỗi mùa mang một sắc thái riêng, nhưng ở bất cứ thời điểm nào, nơi đây vẫn giữ được vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa sâu lắng. Với những ai yêu thiên nhiên, Ngọc Linh không chỉ là một địa danh mà còn là biểu tượng của vẻ đẹp nguyên sơ và sức sống bền bỉ của đất trời miền Trung.

CÔNG NGHỆ BIOFLOC HƯỚNG ĐẾN NGHỀ NUÔI THỦY SẢN BỀN VỮNG

Hữu Thái
Trung tâm Khuyến nông

Trong những năm gần đây, tôm thẻ chân trắng tiếp tục khẳng định vai trò là đối tượng nuôi chủ lực, đóng góp quan trọng vào giá trị sản xuất thủy sản của tỉnh Quảng Ngãi và tạo sinh kế cho người dân ven biển. Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng nhanh về diện tích và mật độ thả nuôi, nghề nuôi tôm cũng đang đối mặt với nhiều thách thức như ô nhiễm môi trường nước, dịch bệnh phức tạp, chi phí sản xuất cao và rủi ro ngày càng lớn.

Việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học vào nuôi tôm rất cần thiết hiện nay, nhằm góp phần phát triển nghề nuôi tôm theo hướng hiệu quả và bền vững. Năm 2025, Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi đã triển khai mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm thâm canh ứng dụng công nghệ Biofloc thuộc dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm thâm canh gắn với tiêu thụ sản phẩm" tại tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng, với tổng quy mô 02 ha (01 ha/tỉnh).

Khác với phương thức nuôi truyền thống, hệ thống ao nuôi theo công nghệ

Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm thâm canh gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Vạn Tường

Biofloc được đầu tư đồng bộ gồm ao lắng, ao ương và ao nuôi thương phẩm; toàn bộ ao được lót bạt, trang bị hệ thống quạt nước, sục khí và cung cấp ôxy đầy đủ, đáp ứng yêu cầu nuôi mật độ cao.

Mô hình tiến hành thả giống tôm thẻ chân trắng với số lượng 2.400.000 con/vụ (1.200.000 con/điểm), cỡ giống PL12 vào ao ương. Quá trình chăm sóc và quản lý được thực hiện qua hai giai đoạn. Giai đoạn ương kéo dài từ 25 - 30 ngày; khi tôm đạt cỡ trung bình 1.000 - 1.200 con/kg thì tiến hành san thả sang ao nuôi giai đoạn 2 với mật độ 120 - 150 con/m². Tại ao nuôi giai đoạn 2, tôm tiếp tục được nuôi đến kích cỡ thu hoạch.

Sau gần 3 tháng thả nuôi, tỷ lệ sống của tôm đạt khoảng 90%, cỡ thu hoạch đạt 40 - 50 con/kg, với sản lượng trên 21 tấn/ha, tổng doanh thu ước đạt trên 3,1 tỷ đồng/ha/vụ. Sau khi trừ chi phí con giống, thức ăn, điện, nhân công và chế phẩm sinh học (ước khoảng 2,2 - 2,4 tỷ đồng/ha), lợi nhuận đạt khoảng 700 - 800 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn đáng kể so với phương thức nuôi truyền thống.

Ông Bùi Văn Nhân, hộ tham gia mô hình tại xã Tam Anh, thành phố Đà Nẵng phấn khởi cho biết, "trước đây nuôi theo cách truyền thống thường lo nhất là thời tiết thay đổi đột ngột làm tôm sốc nhiệt. Khi áp dụng mô hình này, ao nuôi được lót bạt và sục khí liên tục nên môi trường ổn định hơn. Chi phí nhân công cũng giảm do diện tích ao nhỏ, dễ quản lý. Vụ vừa rồi gia đình tôi đạt năng suất cao hơn hẳn so với các năm trước."

Ông Trần Đình Tính, hộ tham gia tại xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi, cho biết thêm, "việc áp dụng quy trình nuôi hai giai đoạn theo công nghệ Biofloc giúp tôi kiểm soát tốt môi trường ao nuôi. Tôm phát triển đồng đều, ít hao hụt. Điều tôi thấy rõ nhất là tính an toàn sinh học. Nhờ sử dụng men vi sinh để xử lý nước và tạo hệ vi sinh có lợi trong ao, nước ít phải thay, giảm xả thải ra môi trường, góp phần giảm chi phí thức ăn, hạn chế dịch bệnh và nâng cao năng suất."

Mô hình không những cho hiệu quả về năng suất và chất lượng sản phẩm, mà còn giúp giảm chi phí sản xuất. Việc nuôi tôm qua giai đoạn ương trong ao ương và ao nhỏ giúp giảm chi phí nhân công cho ăn, giảm thời gian chăm sóc, tiết kiệm điện năng cho hệ thống sục khí, quạt nước so với hình thức nuôi một giai đoạn truyền thống. Ao nuôi diện tích nhỏ thuận lợi cho việc áp dụng công nghệ cao, hạn chế tác động của thời tiết bất lợi, duy trì nhiệt độ ổn định, giúp tôm sinh trưởng và phát triển nhanh hơn. Tôm thương phẩm có màu sắc đẹp, chất lượng đồng đều, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

Thực tiễn triển khai cho thấy, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ Biofloc phù hợp với những vùng nuôi có diện tích không lớn nhưng yêu cầu thâm canh cao và kiểm soát chặt chẽ môi trường. Đây là giải pháp thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, hạn chế xả thải ra môi trường và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm thủy sản.

Trong thời gian tới, việc hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương, tăng cường tập huấn chuyển giao công nghệ và hỗ trợ liên kết tiêu thụ sẽ là nền tảng quan trọng để nhân rộng mô hình, góp phần phát triển ngành nuôi tôm Quảng Ngãi theo hướng an toàn sinh học và bền vững.

NHỮNG LƯU Ý KỸ THUẬT GIÚP NÂNG CAO NĂNG SUẤT BƯỞI DA XANH

Bưởi da xanh là một trong những cây ăn quả chủ lực, mang lại giá trị kinh tế cao cho nông dân tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, để vườn bưởi sinh trưởng ổn định, cho năng suất và chất lượng quả cao, người trồng cần áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật chăm sóc, đặc biệt trong giai đoạn kinh doanh. Dưới đây là một số giải pháp kỹ thuật cần lưu ý:

1. Chăm sóc sau thu hoạch

Tỉa cành: Sau khi thu hoạch, tiến hành vệ sinh vườn: làm cỏ, tỉa bỏ những cành bị sâu bệnh, cành ốm yếu, cành đan chéo nhau,… nhằm hạn chế việc cạnh tranh dinh dưỡng với quả. Sau tỉa cành, cần sử dụng thuốc BVTV gốc đồng như Champion 77WP, Coc 85WP … phun ướt đều toàn thân, cành, hai mặt lá để tiêu diệt các loại rong rêu, nấm bệnh tồn lưu và gây hại cho bưởi da xanh.

Bón phân phục hồi cho cây (tính cho 1 cây)**:** Bón 2 kg vôi quanh gốc, sau 10 ngày bón 60 kg phân chuồng hoai (nên phối trộn với chế phẩm Trichoderma) + 0,6 kg urê + 0,5 kg lân + 0,1 kg kali. Đào hố theo hình chiếu tán (kích thước hố 15 - 20 cm), bón phân, lấp đất, tưới nước; khi cây giao tán chỉ cần cuốc súp nhẹ lớp đất xung quanh tán để bón.

2. Chăm sóc giai đoạn làm hoa

Bón phân trước khi ra hoa: Trước khi ra hoa 30 - 40 ngày, bón 0,2 kg urê + 0,8 kg lân + 0,3 kg kali. Đối với cây sinh trưởng mạnh, cần giảm lượng đạm, tăng lân và kali để thúc đẩy phân hóa mầm hoa.

Ngắt bỏ lá trên cành mang trái: Sau khi kết thúc lần bón phân trước khi ra hoa, cần quan sát cây khi có lá đã già và không ra đọt non thì tiến hành ngắt bỏ lá trên cành mang quả. Cành thường ở chảng 2 hoặc chảng 3 và dài khoảng 10 - 20 cm. Thực hiện ở vị trí từ thấp lên cao, ở những cành già, lá xanh đậm nhằm kích thích ra hoa tập trung, đồng đều.

Chăm sóc ra hoa: Trong thời kỳ ra hoa, cần bảo vệ hoa và lộc non không bị các đối tượng gây hại như sâu vẽ bùa, bọ trĩ, sâu ăn hoa… Đồng thời bổ sung dinh dưỡng qua lá (kết hợp Canxi - Bo) để tăng khả năng đậu quả. Thực hiện phun 2 - 3 lần cách nhau 7 ngày, bắt đầu khi lộc non dài khoảng 3 - 4 mm và trước khi hoa nở.

3. Chăm sóc nuôi quả

Tỉa quả : Sau khi đậu quả, tiến hành tỉa thưa, mỗi chùm giữ 1 - 2 trái (tốt nhất 1 trái) để đảm bảo chất lượng và hạn chế sâu bệnh; đồng thời, loại bỏ những quả phát triển kém hoặc ở vị trí không thuận lợi.

Bao quả: Sâu đục trái là đối tượng gây hại nguy hiểm, làm trái rụng, ảnh hưởng lớn đến năng suất và chất lượng. Bao trái là biện pháp hiệu quả, dễ thực hiện, chi phí thấp, hạn chế sử dụng thuốc BVTV và không gây ô nhiễm môi trường. Sử dụng túi giấy chuyên dụng để bao khi quả đạt đường kính 3 - 5 cm (khoảng 25 - 30 ngày sau đậu quả), tháo bao trước thu hoạch 25 - 30 ngày.

Bón phân nuôi quả theo các giai đoạn

- Sau đậu trái 2,5 tháng: lúc này trái lớn nhanh nên cần bón 0,2 kg urê + 0,4 kg lân + 0,3 kg kali;

- Sau đậu trái 4 tháng: lúc này trái lớn nhanh và bắt đầu tích lũy chất khô nên bón 0,2 kg urê + 0,3 kg lân + 0,3 kg kali;

- Trước thu hoạch 1,5 - 2 tháng: bón 0,4 kg kali để tăng độ ngọt.

Hàng năm bổ sung 0,5 - 1 kg $Ca(NO_3)_2$/ cây vào các giai đoạn sau thu hoạch, trước ra hoa và sau đậu quả để cải thiện phẩm chất và thời gian tồn trữ sau thu hoạch của quả. Có thể phun phân bón lá 4 - 5 lần/vụ vào các giai đoạn sinh trưởng chính, cách nhau khoảng 15 ngày.

Lượng phân bón điều chỉnh tùy điều kiện đất, tuổi và sinh trưởng của cây.

4. Nước tưới

Cây bưởi cần nhiều nước, nhất là giai đoạn ra hoa và nuôi quả, nhưng không chịu úng. Độ ẩm đất thích hợp 70 - 80%. Mùa mưa cần thoát nước tốt để tránh thối rễ. Trong mùa nắng và những ngày khô hạn trong mùa mưa, cần phải tưới nước để đảm bảo sinh trưởng.

5. Một số lưu ý phòng trừ sâu bệnh chính

Các đối tượng sâu bệnh chính gồm: sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh, rệp sáp, ruồi đục quả; bệnh vàng lá Greening, thối gốc chảy nhựa, vàng lá thối rễ… Cần áp dụng biện pháp quản lý tổng hợp như vệ sinh vườn, tỉa cành, bón phân cân đối, sử dụng bẫy và biện pháp sinh học; chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi cần thiết và theo đúng khuyến cáo.

Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật chăm sóc trong giai đoạn kinh doanh sẽ giúp cây bưởi da xanh sinh trưởng tốt, hạn chế sâu bệnh, nâng cao năng suất và chất lượng quả. Tùy điều kiện thực tế, người trồng cần linh hoạt điều chỉnh biện pháp chăm sóc để đạt hiệu quả cao nhất.

Ngắt lá ở cành mang quả nhằm kích thích ra hoa tập trung, đồng đều

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH

Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra tình hình sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2025 - 2026 tại xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia thả tái tạo nguồn lợi thuỷ sản tại bàu Cá Cái xã Vạn Tường nhân kỷ niệm 67 năm ngày truyền thống ngành Thuỷ sản Việt

Các địa phương tỉnh Quảng Ngãi đẩy mạnh khai thác tiềm năng du lịch cộng đồng gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ nhằm giảm chi phí đầu vào, tăng giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường và nâng cao khả năng cạnh tranh

Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi tôm thương phẩm góp phần giảm chi phí nhiên liệu, đồng thời bảo vệ hệ sinh thái vùng nuôi

Nông dân xã Sơn Hạ vui mừng khi được Nhà nước hỗ trợ giống sắn HN5 có khả năng kháng bệnh khảm lá sắn để thực hiện mô hình Ứng dụng kỹ thuật trồng giống sắn mới trên đất đồi dốc

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH

Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hoàng Giang kiểm tra tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại các xã phía tây của tỉnh

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Ngọc Sâm kiểm tra dự án Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Ngọc Sâm kiểm tra, đánh giá Dự án chăn nuôi bò sữa công nghệ cao và nhà máy chế biến sữa tại xã Mô Rai

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Công Hoàng trao Giấy chứng nhận cho Công ty CP DVTM Tony Farm Đà Lạt II

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiển kiểm tra công tác chống khai thác IUU tại các địa phương

Hội nghị ký kết Quy chế phối hợp trong lĩnh vực lâm nghiệp vùng giáp ranh giữa tỉnh Quảng Ngãi với thành phố Đà Nẵng

In 1.000 cuốn khổ 19x27, tại công ty TNHH Thương mại In Quảng Ngãi Plus - 296 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Giấy phép xuất bản số 212/GP-XBBT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi cấp ngày 02 tháng 4 năm 2026. Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Quang Trung. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2026.